ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Số: 2870/QĐ-XHNV

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo (điều chỉnh)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 510/QĐ-XHNV ngày 05 ngày 03 tháng 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3636/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Hướng dẫn số 1144/HD-ĐHQGHN ngày 03 tháng 04 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1855/QĐ-ĐHQGHN ngày 30 tháng 05 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Ủy quyền kí điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội (năm 2023);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Châu Á học, mã số chuyên ngành: 8310608.01

Điều 2. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Châu Á học ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng cho học viên từ khóa tuyển sinh năm 2022 của Trường Đại học Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Tổ chức – Cán bộ, Trưởng

phòng Kế hoạch – Tài chính, Trưởng khoa Đông phương học và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- ĐHQGHN (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Hoàng Anh Tuấn

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

ĐỊNH HƯỚNG: NGHIÊN CỨU
NGÀNH: ĐÔNG PHƯƠNG HỌC
MÃ SỐ: 8310608.01
CHUYÊN NGÀNH: CHÂU Á HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2870/QĐ-XHNV ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt: Châu Á học

+ Tiếng Anh: Asian Studies

- Tên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt: Đông phương học

+ Tiếng Anh: Oriental Studies

- Mã số chuyên ngành: 8310608.01

- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

- Thời gian đào tạo: 02 năm

- Tên văn bằng sau tốt nghiệp

+ Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Đông phương học

+ Tiếng Anh: Master in Oriental Studies

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo bậc thạc sĩ ngành Đông phương học, chuyên ngành Châu Á học là chương trình theo định hướng nghiên cứu nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất

lượng cao ở trình độ thạc sĩ có kiến thức chuyên môn sâu, rộng, tiên tiến về khu vực châu Á, có khả năng nghiên cứu và năng lực vận dụng sáng tạo kiến thức vào hoạt động thực tiễn, đáp ứng được yêu cầu công việc tại các môi trường làm việc có tính chuyên môn cao, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá của Việt Nam.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình được thiết kế nhằm hình thành cho người học:

- Hệ thống kiến thức về khu vực học và đất nước học, nhất là các vấn đề liên quan đến các lĩnh vực như chính trị, an ninh, kinh tế, văn hoá, xã hội, quan hệ quốc tế... của châu Á nói chung và các nước trong khu vực châu Á nói riêng.

- Khả năng vận dụng sáng tạo các lý thuyết trong nghiên cứu khu vực, phương pháp nghiên cứu liên ngành và kiến thức chuyên môn trong nghiên cứu, giảng dạy về các vấn đề liên quan đến châu Á.

- Khả năng áp dụng thành thạo, linh hoạt các kĩ năng hoạt động nghề nghiệp để tổ chức hoạt động nghiên cứu, giải quyết vấn đề có liên quan đến khu vực, hay tư vấn, tham gia hoạch định chính sách có liên quan đến châu Á.

- Phát huy năng lực ngoại ngữ để lý giải, phân tích tư liệu nghiên cứu, trao đổi học thuật với các chuyên gia trong và ngoài nước.

- Có thái độ làm việc chuyên nghiệp, trung thực, tuân thủ kỷ luật; tôn trọng người khác, tôn trọng tính đa dạng và có tinh thần hợp tác trong nghiên cứu và giảng dạy; có tư duy phản biện, sáng tạo; có tinh thần trách nhiệm và ý thức vì cộng đồng.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh: Hình thức xét tuyển theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN).

3.2. Đối tượng dự tuyển

3.2.1. Yêu cầu về văn bằng

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp và hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu. Trường hợp thí sinh phải học bổ sung kiến thức thì cần hoàn thành trước khi đăng kí dự tuyển và có 1 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với chuyên ngành dự thi.

- Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công

nhận văn bằng theo quy định hiện hành của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

3.2.2. Yêu cầu về ngoại ngữ

- Có năng lực ngoại ngữ từ bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong các loại văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành Ngôn ngữ tiếng nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do ĐHQGHN cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đáp ứng yêu cầu trình độ bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

+ Chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc tương đương trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ ngoại ngữ đến ngày đăng ký dự thi thạc sĩ được cấp bởi các cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐHQGHN công nhận.

- Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt.

3.2.3. Yêu cầu khác

- Có lý lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Có đủ sức khỏe để học tập.

- Đáp ứng các yêu cầu khác của ĐHQGHN.

3.3. Danh mục ngành phù hợp và học phần bổ sung kiến thức

3.3.1. Danh mục ngành phù hợp

- Ngành phù hợp 1: gồm các ngành thuộc cùng nhóm ngành với ngành Đông phương học.

- Ngành phù hợp 2:

+ Ngành trong nhóm ngành: Xã hội học và Nhân học;

+ Ngành: Hán Nôm, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Ngôn ngữ Trung

Quốc, Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Ả rập, Sư phạm Tiếng Nhật, Sư phạm Tiếng Trung Quốc, Sư phạm Tiếng Hàn Quốc, Sư phạm Tiếng Anh.

- Ngành phù hợp 3: Báo chí và truyền thông, Triết học, Tôn giáo học, Lịch sử, Ngôn ngữ học, Văn học, Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Chính trị học, Quan hệ quốc tế, Địa lý học, Sư phạm Địa lý, Sư phạm Lịch sử, Sư phạm Lịch sử - Địa lý.

- Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (ĐHKHXHNV) thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của Chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng (nếu cần), đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành; báo cáo ĐHQGHN trước khi tuyển sinh và chịu trách nhiệm về việc đánh giá chuyên môn này.)

3.3.2. Danh mục học phần bổ sung kiến thức với ngành phù hợp 2 và 3

STT	**Tên môn học**	**Số tín chỉ**	**Ghi chú**
1.	Lịch sử phương Đông	3	- Tổng số kiến thức bổ sung cho ngành phù hợp 2 là 9 TC gồm các học phần từ 1 – 3. - Tổng số kiến thức bổ sung cho ngành phù hợp 3 là 15 TC gồm các học phần từ 1 - 5.
2.	Văn hoá văn minh phương Đông	3	
3.	Khu vực học đại cương	3	
4.	Quan hệ quốc tế Đông Bắc Á	3	
5.	Quan hệ quốc tế Đông Nam Á và Nam Á	3	
Tổng số		**15**	

3.4. Dự kiến quy mô tuyển sinh

- Theo chỉ tiêu được ĐHQGHN cấp hàng năm (dự kiến từ 15 - 20 học viên/1 năm).

- Kế hoạch tuyển sinh chi tiết được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh, hướng dẫn tuyển sinh sau đại học hàng năm của ĐHQGHN, và đề án tuyển sinh của Trường ĐHKHXHNV được ĐHQGHN phê duyệt (nếu có).

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

PLO 1. Phân tích thế giới quan và phương pháp luận của triết học Mác – Lênin vào nhận thức và nghiên cứu các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn và hoạt động thực tiễn của người học.

PLO 2. Vận dụng lý thuyết đa ngành, liên ngành và kiến thức thực tiễn phù hợp,

tiên tiến để giải thích một cách hệ thống các vấn đề nghiên cứu về châu Á.

PLO 3. Đánh giá một cách khách quan về một số lĩnh vực nghiên cứu chuyên sâu liên quan đến châu Á.

2. Chuẩn đầu ra về kĩ năng

PLO 4. Kỹ năng phân tích các vấn đề liên quan đến châu Á một cách toàn diện, khách quan để đánh giá, phản biện, và đề xuất phương án giải quyết.

PLO 5. Kỹ năng tổng hợp, hệ thống hoá những bài học kinh nghiệm của các quốc gia châu Á trong một số lĩnh vực tiêu biểu và đưa ra được những liên hệ đối với Việt Nam.

PLO 6. Truyền đạt tri thức (thuyết trình, phản biện, thảo luận, giảng dạy, trình bày bài viết nghiên cứu khoa học) về Châu Á dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước.

PLO 7. Quản lý và triển khai một đề tài/đề án nghiên cứu một cách độc lập.

PLO 8. Kết nối, tổ chức nhóm làm việc để giải quyết vấn đề nghiên cứu có liên quan đến châu Á.

PLO 9. Lập kế hoạch thực hiện, điều phối và đánh giá quá trình, kết quả thực hiện trong các hoạt động nhóm mang tính chuyên môn và nghề nghiệp

PLO 10. Có trình độ tiếng Anh hoặc tiếng chuyên ngành tương đương bậc 4 trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc, vận dụng được vào công tác chuyên môn, nghiên cứu và khai thác thông tin có liên quan đến châu Á.

3. Chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm

PLO 11. Nghiên cứu, đưa ra những kết luận, nhận định, sáng kiến trong lĩnh vực chuyên môn.

PLO 12. Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác.

PLO 13. Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

PLO 14. Tuân thủ kỷ luật, quy định của tổ chức, cơ quan; tôn trọng người khác, có tinh thần hợp tác trong nghiên cứu và giảng dạy.

PLO 15. Có tinh thần trách nhiệm, làm việc chuyên nghiệp, khoa học, có tư duy phản biện, sáng tạo; chấp hành liêm chính học thuật và tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ.

PLO 16. Tôn trọng tính đa dạng, có ý thức xây dựng cộng đồng, cống hiến cho

cộng đồng.

4. Vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Châu Á học, người học có thể sử dụng các kiến thức, kĩ năng được đào tạo để tham gia và đảm nhiệm ở nhiều vị trí khác nhau:

- Tham gia giảng dạy, nghiên cứu tại các trường đại học, viện nghiên cứu;

- Làm việc tại các cơ quan ban ngành của Chính phủ, địa phương;

- Làm việc tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nói chung, doanh nghiệp của các quốc gia châu Á nói riêng tại Việt Nam hoặc làm việc tại nước ngoài;

- Làm việc tại các tổ chức phi chính phủ, tổ chức phi lợi nhuận, các dự án phát triển;

- Mở và tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân;

- Tham gia các dự án hợp tác quốc tế liên quan đến châu Á.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng tự tìm tòi và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động thực tiễn tại cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp;

- Có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu về các vấn đề lý luận và thực tiễn có liên quan đến châu Á;

- Học viên sau khi tốt nghiệp Thạc sĩ ngành châu Á học có thể học tiếp lên bậc học Tiến sĩ tại Việt Nam (Đông phương học, Đông Nam Á học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Việt Nam học, Quốc tế học), học tiến sĩ ở nước ngoài hoặc tham gia các chương trình nghiên cứu chuyên sâu tại nước ngoài.

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	**60** tín chỉ, trong đó:
- Khối kiến thức chung:	**09** tín chỉ
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành:	**24** tín chỉ
+ Bắt buộc:	06 tín chỉ
+ Tự chọn:	18 tín chỉ/ 45 tín chỉ

- Nghiên cứu khoa học: **27** tín chỉ

  + Chuyên đề nghiên cứu, seminar: 12 tín chỉ

  + Luận văn thạc sĩ: 15 tín chỉ

2. Khung chương trình

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết[1]	*Thực hành*[2]	*Tự học*[3]	
I	**Khối kiến thức chung**		**9**				
1	PHI5002	Triết học *Philosophy*	4	55	10	135	
2	Ngoại ngữ B2[*] (chọn 1 trong các ngoại ngữ sau)		5	250	0	0	
	ENG5001	Tiếng Anh B2 *English B2*	5	250	0	0	
	RUS5001	Tiếng Nga B2 *Russian B2*	5	250	0	0	
	CHI5001	Tiếng Trung B2 *Chinese B2*	5	250	0	0	
	FRE5001	Tiếng Pháp B2 *French B2*	5	250	0	0	
	WES5001	Tiếng Đức B2 *German B2*	5	250	0	0	
	OLC 5001	Tiếng Nhật B2 *Japanese B2*	5	250	0	0	
	KOR5001	Tiếng Hàn Quốc B2 *Korean B2*	5	250	0	0	
	THA5001	Tiếng Thái Lan B2 *Thailand B2*	5	250	0	0	
	ARA5001	Tiếng Ả rập B2 *Arabic B2*	5	250	0	0	
II	**Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành**		**24**				
II.1	***Các học phần bắt buộc***		***6***				
3	ORS6053	Phương pháp luận nghiên cứu châu Á *Research Methodology on Asian Studies*	3	45	0	105	
4	ORS6054	Lịch sử phát triển của các quốc gia châu Á	3	45	0	105	

[*] Số tín chỉ của học phần ngoại ngữ B2 được tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo nhưng không tính vào điểm trung bình chung tích luỹ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết[1]	*Thực hành*[2]	*Tự học*[3]	
		History of Asian Developments					
II.2	***Các học phần tự chọn***		***18/45***				
5	ORS6055	Tôn giáo và tín ngưỡng ở châu Á *Religions and Beliefs in Asia*	3	45	0	105	
6	ORS6056	Phát triển kinh tế ở châu Á: Lý thuyết và thực tiễn *Economic Development in Asia: Theory and Practice*	3	45	0	105	
7	ORS6057	Các vấn đề văn hóa – văn minh châu Á *Issues of Asian Cultures and Civilizations*	3	45	0	105	
8	ORS6058	Nghiên cứu các ngôn ngữ ở châu Á: Lý luận và thực tiễn *Research on Languages of Asia: Theory and Practice*	3	45	0	105	
9	ORS6059	Văn học châu Á *Asian Literature*	3	45	0	105	
10	ORS6060	An ninh khu vực ở châu Á *Security in Asia*	3	45	0	105	
11	ORS6061	Di động xã hội ở châu Á *Social Mobility in Asia*	3	45	0	105	
12	ORS6062	Các quyển văn hóa châu Á *Asian Cultural Spheres*	3	45	0	105	
13	ORS6063	Các vấn đề về giới ở châu Á *Gender Issues in Asia*	3	45	0	105	
14	ORS6064	Chính trị và quan hệ quốc tế ở châu Á *Politics and International Relations in Asia*	3	45	0	105	
15	ORS6065	Các vấn đề xã hội ở châu Á *Social Issues in Asia*	3	45	0	105	
16	ORS6066	Vấn đề sở hữu trí tuệ ở châu Á *Intellectual Property Issues in Asia*	3	45	0	105	
17	ORS6067	Lý thuyết và phương pháp so sánh đối chiếu liên ngôn ngữ - văn hoá *Theory and Methods of Cross-cultural and Cross-Linguistic Comparison*	3	45	0	105	
18	ORS6068	Đô thị hóa ở châu Á	3	45	0	105	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết[1]	*Thực hành*[2]	*Tự học*[3]	
		Urbanization in Asia					
19	ORS6069	Văn học dịch và quá trình hiện đại hóa văn học châu Á *Translated literature and the process of modernization of Asian literature*	3	45	0	105	
III	**Nghiên cứu khoa học**		**27**				
III.1	***Chuyên đề nghiên cứu, seminar***		***12***				
19	SSH6001	Các tiếp cận và phương pháp nghiên cứu trong khoa học xã hội và nhân văn *The Approaches and Research methods of Social Sciences and Humanities*	4	30	15	155	
20	SSH6002	Các trường phái trong khoa học xã hội và nhân văn *The Schools in Social Sciences and Humanities*	4	30	15	155	
21	ORS6070	Seminar nghiên cứu khoa học *Seminar*	4	55	10	135	
III.2	***Luận văn thạc sĩ***		***15***				
22	ORS7203	Luận văn Thạc sĩ *Master Thesis*	15	0	0	750	
Tổng cộng			**60**				

***Lưu ý**: Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá; đối với hoạt động dạy trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.*

(1): Lí thuyết

(2): Thực hành, Thí nghiệm, Thảo luận

(3): Thực tập, Nghiên cứu, Tự học có kiểm tra đánh giá